

Bản án số: 1087/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Hiền

2/ Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần T N N, sinh năm: 19XX

Địa chỉ: Chung cư L, số j đường H, phường T, quận B, Thành phố H (Xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ T Đ, sinh năm: 19XX

Địa chỉ: N, phường A, quận B, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần T N N trình bày: Bà và ông Võ T Đ có thời gian quen biết và chung sống với nhau từ năm 1994. Đến năm 1996, cả hai tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 01/02/1996. Bà và ông Võ T Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với vợ con. Mọi chi phí trong gia đình và chăm sóc con cái do bà lo liệu, ông Đ không phụ giúp bà. Bà và ông Võ T Đ sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không

còn quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ T Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Võ T Đ có 01 con chung tên Võ T N N, sinh ngày 18/3/19xx. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Võ T Đ: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Võ T Đ vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của ông Võ T Đ và bà Trần T N N tại địa phương thì địa phương cho biết chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn tranh chấp giữa ông Võ T Đ và bà Trần T N N.

Tại phiên tòa:

- Bà Trần T N N có đơn xin vắng mặt; ông Võ T Đ vắng mặt không lý do. Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án điều tra, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng trình tự tố tụng.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T N N và ông Võ T Đ chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà N, ông Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống bà N và ông Đ luôn bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Trần T N N về việc xin ly hôn với ông Võ T Đ.

Về con chung: Bà Trần T N N và ông Võ T Đ có 01 con chung tên Võ T N N, sinh ngày 18/3/19xx. Con chung đã thành niên nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có, ông Đ không có mặt nên không có ý kiến gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần T N N và ông Võ T Đ có đăng ký kết hôn, bà Trần T N N yêu cầu ly hôn. Tại thời điểm khởi kiện ông Võ T Đ cư trú tại quận Bình Tân nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ T Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Trần T N N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/96 ngày 01/02/1996 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hợp pháp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu bà Trần T N N xin được ly hôn với ông Võ T Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần T N N và ông Võ T Đ tự nguyện kết hôn và đã có 01 con chung. Theo bà N trình bày thì bà và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với vợ con. Mọi chi phí trong gia đình và chăm sóc con cái do bà lo liệu. Bà và ông Đ cũng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh thì bị đơn ông Võ T Đ hiện vẫn đang cư trú tại địa chỉ do bà N cung cấp, nhưng ông vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải xét xử vụ án và cũng không gửi đến Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N, dù ông đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Cho thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N là trầm trọng, ông Đ không còn quan tâm đến bà N cũng như không quan tâm đến cuộc hôn nhân của ông bà.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau”. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân của ông và bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần T N N đối với ông Võ T Đ.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Võ T Đ có 01 con chung tên Võ T N N, sinh ngày 18/3/19xx. Con chung đã thành niên nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên không xem xét.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần T N N phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần T N N về việc xin ly hôn với ông Võ T Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T N N được ly hôn với ông Võ T Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/96 ngày 01/02/1996 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà Trần T N N và ông Võ T Đ có 01 con chung tên Võ T N N, sinh ngày 18/3/1996. Con chung đã thành niên nên không xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần T N N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần T N N xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần T N N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0011926 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần T N N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hạnh